

Người coi (Ký, ghi rõ họ tên)	Người chấm (Ký, ghi rõ họ tên)

PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Câu 1. (0,5 điểm) Số “Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn hai trăm linh tám” viết là:

- A. 3 605 208 B. 360 208 C. 3 650 208 D. 3 605 280

Câu 2. (0,5 điểm) Giá trị của chữ số 7 trong số 372 580 là:

- A. 7000 B. 70 000 C. 700 000 D. 70

Câu 3. (0,5 điểm) Số lẻ bé nhất có sáu chữ số khác nhau là:

- A. 123 456 B. 100 000 C. 100 001 D. 102 345

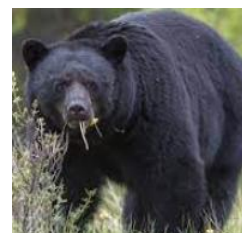
Câu 4. (0,5 điểm) Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm sinh năm 1491. Vậy năm đó thuộc thế kỷ nào ?

- A. Thế kỷ XIV B. Thế kỷ XV
C. Thế kỷ XVI D. Thế kỷ XIII



Câu 5. (0,5 điểm)

Con vật cân nặng nhất là:



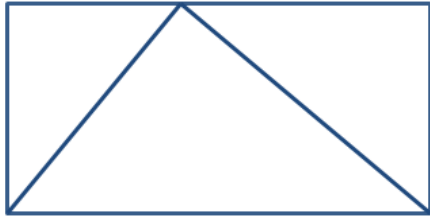
- A. Con voi 5 tấn B. Con trâu 3 tạ C. Con ngựa 120 kg D. Con gấu 80kg

Câu 6. (0,5 điểm)

Giá trị của biểu thức $1426 \times a - 32\,076 : b$ với $a = 8$ và $b = 6$ là:

- A. 6602 B. 11408 C. 6062 D. 5346

Câu 7. (1 điểm)



Hình vẽ bên có:

- A. 5 góc vuông, 6 góc nhọn, 1 góc tù
- B. 4 góc vuông, 7 góc nhọn, 1 góc tù
- C. 4 góc vuông, 6 góc nhọn, 2 góc tù
- D. 5 góc vuông, 6 góc nhọn, 2 góc tù

PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 8. (2 điểm) Đặt tính rồi tính

$$745\ 907 + 53\ 247$$

$$603\ 896 - 238\ 327$$

$$3\ 452 \times 7$$

$$67\ 095 : 5$$

Câu 9. (1 điểm) Viết số thích hợp vào chỗ chấm

$$7\ \text{kg}\ 12\ \text{g} = \dots\dots\dots\ \text{g}$$

$$43000\ \text{cm}^2 = \dots\dots\dots\ \text{dm}^2$$

$$15\ \text{km}\ 9\ \text{m} = \dots\dots\dots\ \text{m}$$

$$\frac{1}{4}\ \text{thế kỷ} = \dots\dots\dots\ \text{năm}$$

Câu 10. (2 điểm)

Trong phong trào xây dựng “Kế hoạch nhỏ”, khối 3 và 4 góp được 240kg giấy vụn. Biết số giấy vụn của khối 4 góp được nhiều hơn khối 3 là 24kg. Hỏi mỗi khối quyên góp được bao nhiêu ki-lô-gam giấy vụn ?

Câu 11. (1 điểm)

Bạn An cắt các tấm bìa để làm cổng của một ngôi nhà có kích thước như hình vẽ:

Hỏi cần bao nhiêu đề-xi-mét vuông giấy bìa ?

